

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ Hè - Năm học 2025-2026

Môn thi: **GE106DV01 - Tiếng Anh Hội nhập Quốc tế 4**

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2026-08-24

Giờ thi: 10:00

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22400079	Đặng Quang Trung	9/12/2002	TV24111				1531 - 2533	2198

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Võ Thị Minh Hạnh

15/08/2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.2B**

Phòng thi: 013 - Thành Thái

Học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 3

Lớp HP: GE006DV01

Ngày thi: 24/8/2026

Giờ thi: 7:30

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "**vắng**" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Ghi chú
1	22112437	Hà Lê Quân	NT21111				MHPT 2484/QĐ- ĐHHS, ký 07/12/2021	Thi thay thế cho AV117DV01

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

15/08/2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.2B

Phòng thi: 012 - Thành Thái

Học phần: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5/ Anh văn giao tiếp quốc

Lớp HP: GE102DV01/ AV211DV01

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 10:00

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "**vắng**" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Số hiệu lớp
1	22104438	Văn Khả Vy	FB21121				Hoãn thi 3049/QĐ-ĐHHS, ký 20/12/2022	1599/2231

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....
Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....
Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ Hè - Năm học 2025-2026

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1105
Giảng viên: Đoàn Quốc Vinh
Ngày thi: 24/08/2026
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302857	BẠCH NGUYỄN TUẤN	ANH	29/08/05	NT23111			
2	22005287	HUỖNH PHAN NHÃ	ANH	27/10/02	TV20111			
3	22014619	NGÔ THỊ MAI	ANH	30/03/02	MK20111			
4	22301505	NGUYỄN NGỌC BÍCH	ANH	30/11/05	TT23111			
5	22300923	NGUYỄN NGỌC THỂ	ANH	30/11/05	TT23111			
6	22400070	NGHIÊM THỊ NGỌC	ÁNH	09/02/04	TC24111			Cấm thi
7	22302143	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	17/09/05	MK23111			
8	22000659	TRẦN KHÁNH	DUY	15/01/02	DL20121			
9	22011809	LÊ ĐẶNG HỒNG	DUYÊN	16/02/02	DM20111			
10	22400068	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	18/09/03	EC24111			
11	22114163	TRẦN NGỌC	DƯƠNG	14/10/03	QL21111			
12	2183160	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	29/09/00	QL1811			
13	22101484	LƯU TUYỀN	HIẾU	17/05/03	TN21111			Cấm thi
14	22009697	NGUYỄN PHẠM GIA	HIỂN	03/04/02	TV20111			
15	22303113	NGUYỄN LƯƠNG MỸ	HOA	15/06/05	NT23111			
16	22011910	NGUYỄN THỊ KHÁNH	KHA	19/09/02	TC20111			
17	22111180	NGUYỄN LÂM	KHANG	14/09/03	TLNL21111			
18	2190361	TRẦN ĐÌNH	KHANG	18/09/00	TV19111			
19	22014495	HỒ PHÚC	KHÁNH	28/07/02	TC20111			
20	22101455	HÀ NGUYỄN DUY	KHOA	04/03/03	TV21111			
21	22011646	NGUYỄN MINH	KHOA	16/06/00	DK20111			
22	22010129	TIÊU ANH	KIỆT	01/04/02	MK20111			
23	22112950	HOÀNG ĐÌNH YẾN	LINH	17/03/03	PR21111			
24	22110948	TRƯƠNG NHẬT	LONG	22/11/03	DM21111			
25	22006955	HUỖNH THỊ TUYẾT	MAI	17/10/02	TC20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ Hè - Năm học 2025-2026

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1105

Giảng viên: Đoàn Quốc Vinh

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22012028	LƯU GIA	MINH	24/04/02	TV20111			
2	22114466	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	18/11/03	TV21111			
3	22106927	NGUYỄN TRUNG	NHÂN	04/10/03	BL21111			
4	2192697	BÙI THỊ QUỲNH	NHƯ	20/07/01	TK19121			
5	22303052	BÙI THỊ TÂM	NHƯ	15/11/05	MK23111			
6	22114593	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	12/07/03	DM21111			Cấm thi
7	22012033	CHUNG ÁI	PHƯƠNG	31/08/02	KS20111			
8	2183377	HUỖNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	15/12/00	TC1811			
9	22113706	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	QUYÊN	15/04/03	KS21111			Cấm thi
10	22011463	NGUYỄN TẤN	TÀI	27/10/02	EM20111			
11	22114300	PHAN VĂN	TÂM	06/05/01	TV21111			
12	22107005	LÊ MINH	TÂN	01/10/03	TV21111			
13	22140075	THẠCH ĐÌNH BẢO	THIỆN	25/12/02	TN21111			
14	2197829	LÊ GIA	THỊNH	30/11/01	NH19111			
15	2194143	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	THỊNH	26/07/01	TV19112			
16	22000639	NGUYỄN PHƯƠNG	THỦY	25/09/01	DL20121			
17	22303607	DƯƠNG NGỌC MINH	THỨ	02/08/05	TT23111			
18	22111126	LÊ NGUYỄN TRUNG	TIỀN	26/09/03	DM21111			Cấm thi
19	2182927	LÊ HOÀNG DIỆU	TRINH	31/03/00	TC1811			
20	22014618	VÕ TRỌNG	TRÍ	11/08/02	TV20111			
21	22010301	NGUYỄN VÂN	TRƯỜNG	29/12/02	MK20111			
22	22118126	HUỖNH MINH	TUẤN	17/12/03	BL21111			
23	22101125	PHAN THỊ NGỌC	TỶ	02/05/01	TV21111			
24	22001125	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	27/03/02	NH20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ Hè - Năm học 2025-2026

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập Quốc tế 4 (GE106DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1106
Giảng viên: Võ Thị Minh Hạnh
Ngày thi: 24/08/2026
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2191799	HỒ HOÀNG	ANH	05/01/01	KT19111			
2	22205016	NGUYỄN BẢO	BÌNH	05/01/01	DM22111			
3	22011553	LÊ NGUYỄN LINH	CHI	20/03/02	MC20111			
4	22300810	NGUYỄN GIA	ĐẠT	10/04/05	DM23111			
5	22119109	PHẠM TRÍ	ĐỨC	10/02/03	NH21111			
6	22302136	HỒNG GIA	HÂN	09/12/05	TV23111			
7	22111103	NGUYỄN	HOÀNG	27/02/03	TV21111			
8	22303184	HUỲNH NHẤT	KHANG	02/12/05	EM23111			
9	22102280	LEE HỒNG	LÂM	10/05/03	BL21111			
10	22303701	ĐỖ QUANG	LÝ	04/09/05	KT23111			
11	22206734	NGUYỄN THỊ YẾN	NGA	07/01/04	BL22111			
12	22014665	HUỲNH GIA	NGHI	09/01/01	TT20111			
13	22114466	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	18/11/03	TV21111			
14	22500068	TRẦN NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	25/04/05	TL25111			
15	22105280	TRẦN NGUYỄN YẾN	NHI	30/07/03	PR21111			Cấm thi
16	22115944	PHÙNG ĐÌNH KHÁNH	NHƯ	21/12/03	MK21111			
17	22001648	NGUYỄN LÊ GIA	PHONG	26/07/02	LG20111			
18	22114292	VÂN DUY	PHÚ	17/01/03	TV21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ Hè - Năm học 2025-2026

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập Quốc tế 4 (GE106DV01) – Số tín chỉ: 5.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1106

Giảng viên: Võ Thị Minh Hạnh

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22110166	CAO MINH	QUÂN	26/04/03	EC21111			
2	2171887	MAI MINH	TÂM	10/03/97	NT1711			
3	22114300	PHAN VĂN	TÂM	06/05/01	TV21111			
4	2193259	ĐINH NHẬT	THY	02/07/01	TT19112			Cấm thi
5	22009996	NGUYỄN MINH	TIẾN	12/12/02	TN20111			
6	22112886	LỤC CHẤN	TOÀN	18/09/03	QL21111			
7	22400015	LIỄU Ý	TRÂN	16/08/05	MK24111			
8	22115230	NGUYỄN HUỖNH HUY	TRƯỜNG	26/02/03	LG21111			
9	22010445	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	05/01/02	QL20111			
10	22204743	NGUYỄN NHẬT KIM	TUYỀN	02/11/04	PR22111			
11	22300577	NGUYỄN TRẦN BÍCH	TUYỀN	24/04/05	NT23111			
12	22207766	CHÂU BẢO	UYÊN	06/09/03	PR22111			
13	22301974	LÊ ĐOÀN THẢO	UYÊN	18/08/05	MK23111			
14	22205815	NGUYỄN PHAN HOÀNG	VŨ	15/04/04	MK22111			
15	22009401	ĐINH KIỀU	VY	26/10/02	LG20111			
16	22011981	PHẠM THỊ THÚY	VY	06/11/02	TV20111			
17	22303758	HUỖNH THỊ MINH	XUÂN	16/11/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)